TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **197**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 12/3/2020
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Bình

2. Bà Nguyễn Thị Liên

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mai Phương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1122/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/02/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Khúc Thị T – sinh năm 1990
Địa chỉ: đường B, Phường F, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ liên lạc: thôn Đ, xã S, huyện U, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Ông Hồng Chánh S – sinh năm 1986
Địa chỉ: đường B, Phường F, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Khúc Thị T và ông Hồng Chánh S tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 240/2008 quyển số 01/P12 ngày 11/11/2008 do Ủy ban nhân dân Phường F, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Sau khi cưới cả hai về chung sống tại quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống vợ chồng bình thường được một thời gian thì mâu thuẫn phát sinh, nguyên nhân theo bà T trình bày là do cả hai bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra xung đột, không chia sẻ được với nhau, mặc dù đã nhiều lần hòa giải nhưng không thu được kết quả gì. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên bà T xin ly hôn với ông S để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà T khai cả hai có 01 con chung tên là Hồng Thị Ngọc A – sinh ngày 26/02/2009. Ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có.

Bị đơn – ông Hồng Chánh S mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ lên Tòa để trình bày ý kiến, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông S vẫn không lên cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn - bà T giữ nguyên ý kiến và yêu cầu đã trình bày trước Tòa. Bà xác định vợ chồng đã sống ly thân được 04 năm, tình cảm không còn, ông S cũng không có mong muốn hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà.

Bị đơn - ông S vắng mặt không có lý do cũng không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông S. Đây là tranh chấp về ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông S cư ngụ tại quận X, Thành phố Hồ Chí Minh nên Toà án nhân dân quận Tân Bình thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 240/2008 quyển số 01/P12 ngày 11/11/2008 do Ủy ban nhân dân Phường F, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì hôn nhân giữa bà T và ông S là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, ông S mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 175, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về hôn nhân: Bà T có yêu cầu ly hôn với ông S. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo bà T trình bày cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông S có nhiều mâu thuẫn, cả hai không nói chuyện chia sẻ được với nhau nên không còn hạnh phúc. Đến khoảng đầu năm 2015 thì bà và con gái đã chuyển về quê sống với mẹ ruột và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Toà án đã nhiều lần triệu tập ông S đến Toà để trình bày ý kiến, tham gia phiên hòa giải và tham dự phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông S không đến, cũng không có ý kiến gì gửi cho Tòa chứng tỏ sự thiếu thiện chí trong việc mong muốn giải quyết mâu thuẫn gia đình để vợ chồng đoàn tụ. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng của bà T và ông S không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết, thời gian ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[3.2] Về con chung: Bà T và ông S có 01 con chung tên là Hồng Thị Ngọc A – sinh ngày 26/02/2009. Bà T trình bày do con là con gái từ nhỏ đã sống cùng với mẹ nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Cháu A cũng có

nguyện vọng được ở với mẹ. Ông S không có ý kiến gì về yêu cầu của bà T đối với việc nuôi dưỡng con. Do đó, để đảm bảo sự phát triển ổn định của trẻ nhỏ, Hội đồng xét xử giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông S.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có, ông S vắng mặt không có ý kiến hay yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được cấn trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án).

Tuyên xử:

1. *Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, bà Khúc Thị T:*

- Về hôn nhân: Bà Khúc Thị T được ly hôn với ông Hồng Chánh S.

- Về con chung: Cả hai có 01 con chung tên là Hồng Thị Ngọc A – sinh ngày 26/02/2009. Giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông S do bà T không có yêu cầu.

Quyền thăm nom chăm sóc con chung và các quyền, lợi ích chính đáng liên quan đến việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con được pháp luật ghi nhận và bảo vệ tại các điều 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Ông S được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Bà T và gia đình không được cản trở ông S thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có, ông S vắng mặt cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. *Về án phí:*

Bà Khúc Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được cấn trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng mà bà T đã nộp theo biên lai số 0039456 ngày 29/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Bà T không phải nộp thêm án phí.

3. *Quyền kháng cáo:*

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại địa phương.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- UBND phường F, quận X (để ghi vào sổ hộ tịch đối với GCNKH số 240/2008, quyển số 01/P12 ngày 11/11/2008);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Hiếu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

Nguyễn Minh Tuân *Nguyễn Thị Liên* *Vũ Văn Hiếu*